

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của chính sách xây dựng, ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ quy định về khu công nghệ thông tin tập trung

Kính gửi: Chính phủ

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng Nghị định

a) Hiện trạng phát triển khu CNTT tập trung

Phát triển các khu CNTT tập trung đã được Đảng và Nhà nước xác định là một trong những định hướng trọng tâm phát triển của ngành công nghiệp CNTT Việt Nam, tạo nên động lực quan trọng để thực hiện công cuộc đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp trong giai đoạn tới. Định hướng này đã được thể hiện cụ thể tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế và các văn kiện, chính sách khác của Đảng và Nhà nước.

Sự ra đời của các khu CNTT tập trung đã tạo ra cơ sở hạ tầng kỹ thuật và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp lĩnh vực CNTT hoạt động, góp phần phát triển ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước - ngành công nghiệp CNTT. Khu CNTT tập trung cũng là vườn ươm cho doanh nghiệp mới phát triển, cho hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Đồng thời, các Khu CNTT tập trung còn là những trung tâm đào tạo nhân lực quan trọng cho cả nước nói chung và ngành CNTT nói riêng.

Trong hơn 15 năm thực thi chính sách pháp luật về khu CNTT tập trung, với các chủ trương, ưu đãi của nhà nước, các khu CNTT tập trung tại Việt Nam đã đạt được những thành công nhất định. Hiện có 07 khu CNTT tập trung hoạt động theo quy định tại Nghị định 154/2013/NĐ-CP trên phạm vi cả nước, bao gồm: 04 khu đang hoạt động (Khu CNTT tập trung Cầu Giấy, Công viên phần mềm Đà Nẵng, Công viên phần mềm Quang Trung, Khu phức hợp Văn phòng FPT Đà Nẵng) và 03 khu đang trong quá trình đầu tư xây dựng hạ tầng (Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội, Khu CNTT tập trung Đà Nẵng, Khu CNTT tập trung Cần Thơ). Trong đó, ngày 19/3/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 261/QĐ-TTg công nhận Khu phức hợp văn phòng FPT là khu công nghệ thông tin tập trung.

2. Một số vấn đề tồn tại trong phát triển khu CNTT tập trung

a) Phát triển khu CNTT tập trung chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế

của một số thành phố lớn

Các trung tâm kinh tế lớn của cả nước như Hà Nội, Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh có nhiều lợi thế về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng và nguồn lực để đầu tư phát triển khu CNTT tập trung. Bên cạnh đó, nguồn chi ngân sách hàng năm của các thành phố này cho đầu tư, mua sắm lĩnh vực CNTT phục vụ cơ quan nhà nước là rất lớn; số lượng doanh nghiệp và quy mô dân số cũng là thị trường tiềm năng cho phát triển công nghiệp CNTT và khu CNTT tập trung. Nhưng đến nay, Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh chỉ có 01 khu đang hoạt động. Năm 2016, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 28/3/2016 thành lập Khu CNTT tập trung Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội. Hiện nay, Khu Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội vẫn vướng mắc quá trình triển khai đầu tư hạ tầng, chậm trễ đưa vào hoạt động theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại quyết định thành lập. Thực tế này cho thấy một số địa phương được định hướng quy hoạch là trọng điểm phát triển khu CNTT tập trung chưa thực sự quan tâm, ưu tiên bố trí nguồn lực để bảo đảm các mục tiêu được Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Chính sách pháp luật về khu CNTT tập trung chưa theo kịp yêu cầu phát triển

Trên cơ sở đánh giá sơ kết 10 năm thi hành Nghị định số 154/2013/NĐ-CP đã bộc lộ một số vấn đề hạn chế của chính sách pháp luật về khu CNTT tập trung, cần phải điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tình hình thực tế phát triển như: chính sách đất đai, quy trình đầu tư dự án kết cấu hạ tầng khu; quản lý khai thác tài sản kết cấu hạ tầng, mô hình CNTT tập trung... cụ thể như sau:

- *Thiếu quy định về chính sách về đất đai đối với khu CNTT tập trung:* trong pháp luật về đất đai chưa có quy định phân loại đất đối với khu CNTT tập trung để làm sở cứ đưa vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương; quy định về thu hồi đất thực hiện dự án khu CNTT tập trung; quy định về giao đất; chính sách ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- *Quy trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung:* trong Nghị định số 154/2013/NĐ-CP và pháp luật về đầu tư chưa có quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư và thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung. Vướng mắc này đã làm cho hoạt động đầu tư xây dựng khu CNTT tập trung bị vướng mắc trong thời gian qua, nhất là đối với các dự án được đầu tư bằng nguồn vốn của doanh nghiệp.

- *Quản lý, khai thác và sử dụng kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước:* Hiện nay chưa có quy định hướng dẫn đối với việc sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung.

- *Một số chính sách ưu đãi quy định tại Nghị định số 154/2013/NĐ-CP đã không còn phù hợp, đồng bộ* với các chính sách pháp luật chuyên ngành khác mới được ban hành như: quy hoạch, thuế TNDN, tín dụng đầu tư, bảo vệ môi trường.

- *Bổ sung quy định về mô hình khu CNTT tập trung mới phù hợp với điều kiện và bối cảnh của Việt Nam:* Thể chế hóa mô hình thí điểm Chuỗi công viên phần mềm Quang Trung (QTSC) tại Quyết định số 333/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính

phủ. Theo nhiệm vụ được giao, Bộ Thông tin và Truyền thông tổng kết mô hình Chuỗi QTSC và đề xuất thể chế hóa mô hình này trong chính sách về khu CNTT tập trung trong tháng 6/2023 và đề xuất này đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu đưa vào dự thảo Nghị định sửa đổi *Nghị định số 154/2013/NĐ-CP*.

c) Công tác quản lý về khu CNTT tập trung còn một số hạn chế

Công tác hướng dẫn, thực thi áp dụng chính sách về khu CNTT tập trung của cơ quan nhà nước ở các cấp còn chưa kịp thời, đồng bộ. Ví dụ: chính sách ưu đãi về thuế TNDN đối với khu CNTT tập trung chỉ áp dụng đối với các dự án đầu tư mới và quy định này đã được Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn thực thi nhưng đến nay vẫn còn một số doanh nghiệp kiến nghị vấn đề này. Ngoài ra, việc thực thi chính sách về khu CNTT tập trung cũng chưa được đồng nhất giữa các địa phương.

Một số đơn vị quản lý, vận hành khu CNTT tập trung chưa thực hiện được vai trò, chức năng nhiệm vụ là đầu mối hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ, thúc đẩy cho doanh nghiệp phát triển. Theo kinh nghiệm quốc tế và theo mô hình các khu CNTT tập trung thành công trong nước thì một trong những tiêu chuẩn thiết yếu đối khu CNTT tập trung là dịch vụ một cửa, là sự hỗ trợ của các đơn vị quản lý khu để thay mặt doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính với cơ quan nhà nước, cung cấp các hạ tầng CNTT. Từ đó, tạo được môi trường thuận lợi nhất để doanh nghiệp chỉ cần tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

d) Chưa ưu tiên, bố trí đủ nguồn lực đầu tư phát triển Khu CNTT tập trung

Phát triển khu CNTT tập trung là định hướng chiến lược, tạo hạ tầng để thúc đẩy phát triển công nghiệp CNTT. Đây là hướng đi phù hợp góp phần đưa Việt Nam tiến nhanh trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Tuy nhiên, sự quan tâm ưu tiên mới chỉ dừng lại ở chủ trương chính sách, thiếu nguồn lực đầu tư phát triển. Từ giai đoạn 2013 đến nay, việc bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển hạ tầng khu CNTT tập trung mới chỉ có cho Dự án mở rộng Công viên phần mềm Đà Nẵng từ nguồn ngân sách địa phương với dự kiến tổng mức đầu tư khoảng 1000 tỷ đồng. Nếu bố trí nguồn lực đầu tư phát triển, cùng với sự đồng hành, quyết tâm của một số địa phương thì khu CNTT tập trung còn có thể đạt được nhiều kết quả hơn nữa, tương xứng với tiềm năng của ngành CNTT.

Theo kinh nghiệm phát triển một số khu CNTT tập trung thành công trong nước (Công viên phần mềm Quang Trung, Công viên phần mềm Đà Nẵng) hay ở nước ngoài như khu Cyberjaya - Malaysia, khu SIPT - Ấn Độ cho thấy nguồn lực hỗ trợ đầu tư phát triển của nhà nước có vai trò rất quan trọng và là yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của các khu CNTT tập trung. Ở trong nước, 02 khu đang hoạt động hiệu quả nhất đều được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn ban đầu.

Đầu tư phát triển khu CNTT tập trung có nhiều khó khăn: đối tượng khách hàng bị hạn chế khi chỉ được thu hút các dự án lĩnh vực CNTT; các yêu cầu về điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng, môi trường làm việc đối với khu CNTT tập trung cao hơn các loại hình khu khác dẫn đến tỷ suất đầu tư cao. Tất cả các yếu tố này làm tăng nguy cơ rủi ro cho doanh nghiệp khi đầu tư phát triển khu CNTT tập

trung. Nhưng khi đã được đánh giá thận trọng và triển khai đầu tư thành lập thì việc đầu tư cho khu CNTT tập trung mang lại hiệu quả rất lớn và bền vững. Do vậy, để thực hiện được chiến lược trọng tâm là phát triển khu CNTT tập trung, Chính phủ cần ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển làm môi để hỗ trợ, tạo động lực thu hút nguồn lực xã hội cùng tham gia đầu tư khu CNTT tập trung.

3. Mục tiêu xây dựng Nghị định

- Tạo hành lang pháp lý để xây dựng và phát triển các khu công nghệ thông tin tập trung tạo ra cơ sở hạ tầng kỹ thuật và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp lĩnh vực công nghệ thông tin hoạt động, góp phần phát triển ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước - ngành công nghiệp công nghệ thông tin; tạo vườn ươm cho doanh nghiệp mới phát triển, cho hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; hình thành các trung tâm đào tạo nhân lực công nghệ số phục vụ cho tiến trình chuyển đổi số quốc gia và công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo chủ trương của Đảng và Nhà nước.

- Thúc đẩy hình thành và phát triển các khu CNTT tập trung có quy mô hợp lý về diện tích mặt bằng, phân bổ hợp lý về lĩnh vực chuyên môn tại các địa phương có tiềm năng để bảo đảm hiệu quả đầu tư; hình thành các quy định, chính sách để thúc đẩy phát triển khu CNTT tập trung.

- Phát triển các khu CNTT tập trung theo mô hình chuỗi liên kết để tạo sự cộng hưởng trong phát triển công nghiệp CNTT, tạo giải pháp đột phá để phát triển các địa phương khó khăn theo hướng xanh và bền vững trên cơ sở phát huy lợi thế của từng địa phương, vùng trọng điểm.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: quy trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng và dự án đầu tư lĩnh vực CNTT vào khu CNTT tập trung

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Khu CNTT tập trung là một loại hình khu chức năng, tập trung hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác lĩnh vực công nghệ thông tin. Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng và dự án đầu tư vào khu CNTT tập trung chưa được quy định trong hệ thống pháp luật. Cụ thể, Nghị định số 154/2013/NĐ-CP và pháp luật về đầu tư chưa có quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng và dự án lĩnh vực CNTT vào khu CNTT tập trung.

Vướng mắc này đã làm cho hoạt động đầu tư xây dựng khu CNTT tập trung và cấp phép thực hiện dự án đầu tư vào khu gặp khó khăn vướng mắc trong thời gian qua, nhất là đối với các dự án được đầu tư bằng nguồn vốn của doanh nghiệp. Theo đó, cần phải xây dựng, hoàn thiện các quy định về quy trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng và dự án đầu tư lĩnh vực CNTT vào khu CNTT tập trung là hết sức cấp thiết.

1.2. Mục tiêu ban hành chính sách giải quyết vấn đề bất cập

Cấu trúc lại hệ thống, sửa đổi và bổ sung các quy định về: (i) quy trình đầu tư, thành lập, mở rộng khu CNTT tập trung; (ii) hồ sơ thành lập, mở rộng và công nhận khu CNTT tập trung; (iii) đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung; (iv) Đánh giá hiệu quả hoạt động của khu CNTT tập trung để đảm bảo phù hợp, thống nhất và đồng bộ với các pháp luật chuyên ngành khác có liên quan.

1.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề bất cập

a) Phương án 1: giữ nguyên hiện trạng.

b) Phương án 2: bổ sung các quy định về quy trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng và dự án đầu tư lĩnh vực CNTT vào khu CNTT tập trung.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) *Phương án 1*: giữ nguyên hiện trạng.

(1) Tác động kinh tế - xã hội

Trường hợp giữ nguyên phương án 1, không có sự thay đổi về chính sách dẫn đến không giải quyết được các vấn đề bất cập đã nêu tại [1.1]. Điều này dẫn đến các dự án đầu tư hạ tầng khu CNTT tập trung và các dự án đầu tư vào khu không thực hiện được, ảnh hưởng tiêu cực đến doanh nghiệp, nhà nước và không tạo công ăn việc làm cho người dân.

(2) Tác động thủ tục hành chính: không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

(3) Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(4) Tác động đối với hệ thống pháp luật: không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành về công nghiệp CNTT nói chung và khu CNTT tập trung nói riêng.

(5) Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án này không có ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

(6) Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: không có.

b) *Phương án 2*: quy định chi tiết về thành lập, mở rộng và công nhận khu CNTT tập trung; bổ sung quy định về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và đánh giá hiệu quả hoạt động của khu CNTT tập trung.

(1) Tác động kinh tế - xã hội

Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: hoàn thiện hành lang pháp lý về khu CNTT tập trung phù hợp với thực tiễn phát triển, đồng bộ với hệ thống pháp luật chuyên ngành có liên quan; đồng thời, hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động quản lý, đảm bảo hiệu quả phát triển khu CNTT tập trung tại Việt Nam.

- Đối với người dân: đảm bảo quyền lợi của người dân trong quá trình tham

gia hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp CNTT tại khu CNTT tập trung.

- Đối với doanh nghiệp: tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động đầu tư xây dựng và phát triển khu CNTT tập trung.

Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: không có.

- Đối với người dân: không có.

- Đối với doanh nghiệp: không có.

(2) Tác động thủ tục hành chính: phương án này không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

(3) Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(4) Tác động đối với hệ thống pháp luật: thay thế các quy định về trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng và công nhận khu CNTT tập trung tại Nghị định số 154/2013/NĐ-CP.

(5) Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án này không có ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

(6) Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: không có.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

1.5.1. Kiến nghị và lý do lựa chọn giải pháp

Trong các phương án nêu trên, lựa chọn phương án 2 với việc bổ sung quy trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng và dự án đầu tư lĩnh vực CNTT vào khu CNTT tập trung. Điều này sẽ góp phần quan trọng hoàn thiện hành lang pháp lý đối với khu CNTT tập trung

1.5.2. Thẩm quyền ban hành chính sách

Chính phủ quy định chi tiết về quy trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng và dự án đầu tư lĩnh vực CNTT vào khu CNTT tập trung theo Luật Công nghệ thông tin

2. Chính sách 2: Chuỗi Công viên phần mềm

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Ngày 03/3/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 333/QĐ-TTg thí điểm thành lập Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung. Qua thời gian thực hiện đã cho thấy hiệu quả của mô hình này. Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiến hành tổng kết mô hình Chuỗi QTSC và đề xuất thể chế hóa mô hình này trong chính sách về khu CNTT tập trung trong tháng 6/2023 và đề xuất này đã được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu đưa vào dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị

định số 154/2013/NĐ-CP.

2.2. Mục tiêu ban hành chính sách giải quyết vấn đề bất cập

Xây dựng được hành lang pháp lý với các quy định quản lý và phát triển đối với mô hình chuỗi công viên phần mềm trên cơ sở tổng kết mô hình Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung tại Quyết định số 333/QĐ-TTg ngày 03/03/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

2.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề bất cập

a) Phương án 1: giữ nguyên hiện trạng và không bổ sung mô hình Chuỗi trong hệ thống pháp luật khu CNTT tập trung.

b) Phương án 2: quy định mô hình Chuỗi Công viên phần mềm.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) *Phương án 1*: giữ nguyên hiện trạng và không bổ sung mô hình Chuỗi trong hệ thống pháp luật khu CNTT tập trung.

(1) Tác động kinh tế - xã hội

Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: không phát sinh thêm chi phí, nguồn lực thực hiện nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện quy định pháp luật về mô hình Chuỗi Công viên phần mềm.

- Đối với người dân: giữ được sự ổn định, tránh được rủi ro bị ảnh hưởng bởi những thay đổi trong chính sách về Chuỗi Công viên phần mềm.

- Đối với doanh nghiệp: giữ được sự ổn định, tránh được rủi ro bị ảnh hưởng bởi những thay đổi trong chính sách về Chuỗi Công viên phần mềm.

Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: trường hợp không thể chế hoá được mô hình thí điểm Chuỗi Công viên phần mềm Quang Trung dẫn đến lãng phí nguồn lực và thời gian đã thực hiện trong thời gian thí điểm. Nhà nước đã đầu tư nguồn lực để xây dựng và triển khai mô hình thí điểm, nhưng nếu mô hình này không được áp dụng rộng rãi thì sẽ không mang lại hiệu quả như mong đợi.

- Đối với người dân: đối mặt với rủi ro bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về chính sách khi kết thúc thời gian thí điểm mô hình Chuỗi.

- Đối với doanh nghiệp: đối mặt với rủi ro bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về chính sách khi kết thúc thời gian thí điểm mô hình Chuỗi; giảm hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

(2) Tác động thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

(3) Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(4) Tác động đối với hệ thống pháp luật: không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành về công nghiệp CNTT nói chung và khu CNTT tập trung nói riêng.

(5) Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án này không có ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

(6) Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: không có.

b) Phương án 2: quy định mô hình Chuỗi Công viên phần mềm.

(1) Tác động kinh tế - xã hội

Tác động tích cực:

- Đối với Nhà nước: tạo cơ chế khuyến khích liên kết giữa khu CNTT tập trung với các trung tâm CNTT, công viên phần mềm nhằm mục tiêu phát triển ngành công nghiệp CNTT. Đồng thời, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển khu CNTT tập trung tại Việt Nam.

- Đối với người dân: được hưởng lợi từ chính sách của Nhà nước một cách ổn định, minh bạch.

- Đối với doanh nghiệp: được hưởng lợi từ chính sách của Nhà nước một cách ổn định, minh bạch; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Tác động tiêu cực:

- Đối với Nhà nước: phát sinh thêm chi phí, nguồn lực xây dựng và hoàn thiện chính sách mô hình Chuỗi.

- Đối với người dân: cần thích nghi với nhiều thay đổi trong chính sách Chuỗi khi kết thúc thời gian thí điểm.

- Đối với doanh nghiệp: cần thích nghi với nhiều thay đổi trong chính sách Chuỗi khi kết thúc thời gian thí điểm.

(2) Tác động thủ tục hành chính: phát sinh thêm thủ tục hành chính thành lập Chuỗi công viên phần mềm.

(3) Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(4) Tác động đối với hệ thống pháp luật: bổ sung thêm quy định về mô hình Chuỗi Công viên phần mềm.

(5) Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án này không có ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

(6) Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: không có.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

2.5.1. Kiến nghị và lý do lựa chọn giải pháp

Trong các phương án nêu trên, lựa chọn phương án 2 với việc bổ sung quy

định về mô hình Chuỗi Công viên phần mềm nhằm tạo hành lang pháp lý, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển khu CNTT tập trung tại Việt Nam.

1.5.2. Thẩm quyền ban hành chính sách

Chính phủ quy định chi tiết mô hình Chuỗi Công viên phần mềm.

3. Chính sách 3: Quản lý tài sản kết cấu hạ tầng của khu CNTT tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Đề án mở rộng khu CNTT tập trung - Công viên phần mềm Đà Nẵng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước gặp vướng mắc trong quá trình thẩm định hồ sơ xin mở rộng khu CNTT tập trung. Vướng mắc này xuất phát từ việc hiện nay chưa có quy định về quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công để triển khai công tác quản lý, khai thác và vận hành khu CNTT tập trung nói chung và khu Công viên phần mềm Đà Nẵng nói riêng. Do đó, cần có quy định về quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc hiện nay và tạo điều kiện hỗ trợ việc đầu tư xây dựng khu CNTT tập trung.

3.2. Mục tiêu ban hành chính sách giải quyết vấn đề bất cập

Đưa ra một số quy định về quản lý, sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề bất cập

a) Phương án 1: giữ nguyên hiện trạng

b) Phương án 2: Xác định kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước là một loại tài sản kết cấu hạ tầng thông tin. Quy định về cơ quan quản lý nhà nước, đối tượng được giao quản lý, sử dụng, khai thác và một số quy định trong việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) *Phương án 1*: giữ nguyên hiện trạng

(1) Tác động kinh tế - xã hội

- Đối với Nhà nước: không phát sinh thêm chi phí, nguồn lực để xây dựng chính sách mới.

- Đối với người dân: không chịu ảnh hưởng do chính sách mới tạo ra. Không có quy định để quản lý, hướng dẫn sử dụng và khai thác đối với tài sản kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và có thể gây lãng phí ngân sách nhà nước.

- Đối với doanh nghiệp: không mất nguồn lực, chi phí để tìm hiểu và thực

hiện chính sách mới.

(2) Tác động thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

(3) Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(4) Tác động đối với hệ thống pháp luật: không thay đổi hệ thống pháp luật hiện hành về công nghiệp CNTT nói chung và khu CNTT tập trung nói riêng.

(5) Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án này không có ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

(6) Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: không có.

b) Phương án 2: Xác định kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước là một loại tài sản kết cấu hạ tầng thông tin. Quy định về cơ quan quản lý nhà nước, đối tượng được giao quản lý, sử dụng, khai thác và một số quy định trong việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung

(1) Tác động kinh tế - xã hội

- Đối với Nhà nước: Xác định rõ kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước là một loại tài sản kết cấu hạ tầng thông tin. Trên cơ sở đó, đưa ra các quy định đối với việc quản lý, sử dụng, khai thác loại tài sản này. Qua đó, hoàn thiện các quy định về quản lý nhà nước đối với khu CNTT tập trung và thúc đẩy phát triển các khu CNTT tập trung.

- Đối với người dân: được hưởng lợi từ chính sách của Nhà nước một cách ổn định, minh bạch.

- Đối với doanh nghiệp: Khi tham gia đầu tư vào các khu CNTT tập trung sẽ nắm được chính sách quản lý, khai thác, sử dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi.

(2) Tác động thủ tục hành chính: không phát sinh thủ tục hành chính.

(3) Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

(4) Tác động đối với hệ thống pháp luật: tạo sự đồng bộ, thống nhất trong áp dụng chính sách pháp luật.

(5) Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án này không có ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

(6) Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: không có.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

3.5.1. Kiến nghị và lý do lựa chọn giải pháp

Trong các phương án nêu trên, lựa chọn phương án 2 với việc bổ sung quy

định chi tiết về quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhằm tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy cho các khu CNTT tập trung được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoạt động hiệu quả và phát triển.

3.5.2. Thẩm quyền ban hành chính sách

Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý tài sản kết cấu hạ tầng khu CNTT tập trung theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiến hành lấy ý kiến đối với Báo cáo đánh giá tác động chính sách của dự thảo Nghị định trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị định, cụ thể:

1. Ngày ... tháng ... năm 2023, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức họp Ban Soạn thảo để xin ý kiến về định hướng và một số nội dung của dự thảo Nghị định. Trên cơ sở ý kiến của Ban Soạn thảo, Bộ Thông tin và Truyền thông đã dự thảo Tờ trình Chính phủ và Nghị định.

2. Ngày...tháng...năm 2023, Bộ Thông tin và Truyền thông đã đăng các dự thảo trên trang thông tin điện tử của Chính phủ, của Bộ Thông tin và Truyền thông để lấy ý kiến các tổ chức, cá nhân theo quy định. Đồng thời, ngày...tháng...năm 2023, đã có Công văn số...../BTTTT-CNICT gửi lấy ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan, tổ chức liên quan.

3. Cùng với việc đăng tải công khai các dự thảo, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức lấy ý kiến thông qua một số hình thức: ...

4. Trên cơ sở tổng hợp các ý kiến tham gia, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tiếp thu, chỉnh sửa hồ sơ Nghị định và có Công văn số .../BCT-CNICT ngày ... tháng ... năm 2023 gửi Bộ Tư pháp xin ý kiến thẩm định về hồ sơ Nghị định.

5. Ngàytháng...năm 2023, Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số .../BCTĐ-BTP thẩm định về dự thảo Nghị định.

6. Trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông đã hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị định để trình Chính phủ xem xét, ban hành.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định

Trách nhiệm thi hành Nghị định là trách nhiệm của tất cả cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, cụ thể:

- a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về khu CNTT tập trung.
- b) Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về khu CNTT tập trung.
- c) Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có

trách nhiệm triển khai, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện quản lý nhà nước về khu CNTT tập trung.

d) Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về khu CNTT tập trung tại địa phương.

2. Giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị định

- Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội giám sát thi hành Luật, Nghị định.

- Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thi hành Nghị định trong phạm vi địa phương.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giám sát việc thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng của cơ quan quản lý nhà nước các cấp, tổ chức, cá nhân kinh doanh.

- Phân công, phối hợp liên ngành để triển khai thực hiện Nghị định, tập trung tăng cường chất lượng và hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý, kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Bộ Thông tin và Truyền thông trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTTgCP Trần Lưu Quang (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để p/h);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng;
- Lưu: VT, CNICT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Huy Dũng
Nguyễn Huy Dũng